

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2019/DS-PT  
Ngày: 05 - 9- 2019  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuệ;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Cao Đức Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2019/QĐ-PT ngày 14/8/2019 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 18/2019/TB-TA ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T; Địa chỉ: Thôn Xóm C, xã HT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Lê Thị H; Địa chỉ: Th N, xã Q T, huyện LG, tỉnh Bắc Giang – Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 31/8/2018); vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Hoàng Văn M; Địa chỉ: Thôn VX, xã HT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nông Thị Th. Địa chỉ: Thôn VX, xã HT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*4. Người làm chứng:*

- Ông Hoàng Văn T1; Địa chỉ: Thôn VX, xã HT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Anh Hoàng Văn L; Địa chỉ: Thôn VX, xã HT, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự và bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Trần Văn T cho ông Hoàng Văn M vay nợ hai lần. Lần thứ nhất vào ngày 12/8/2017 cho vay 20.000.000 đồng, có ông Hoàng Văn T1 chứng kiến, các bên viết giấy vay tiền 20.000.000 đồng. Lần thứ hai vào ngày 20/8/2017, các bên viết giấy vay tiền 40.000.000 đồng. Nội dung cả hai giấy vay tiền này đều không có thỏa thuận về lãi suất, mỗi lần vay tiền anh T đều giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Văn M và bà Nông Thị Th để bảo đảm. Bà Nông Thị Th đã thay ông Hoàng Văn M trả cho anh Trần Văn T số tiền 40.000.000 đồng và anh T đã trả lại cho vợ chồng ông M, bà Th 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày thì lần thứ nhất ông Hoàng Văn M vay 20.000.000 đồng, lần thứ hai ông Hoàng Văn M vay 40.000.000 đồng. Tổng số tiền ông M vay anh T là 60.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tại đơn khởi kiện anh Trần Văn T yêu cầu ông Hoàng Văn M phải trả anh T số tiền 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000 đồng của lần vay thứ hai ngày 20/8/2017 do bà Nông Thị Th (là vợ của ông Hoàng Văn M) đã trả cho anh T số tiền này. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn M trả cho anh Trần Văn T số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng của lần vay thứ nhất ngày 12/8/2017, không yêu cầu ông M phải trả lãi.

Theo bị đơn ông Hoàng Văn M trình bày thì lần thứ nhất anh Trần Văn T cho ông Hoàng Văn M vay số tiền 20.000.000 đồng. Lần thứ hai thực tế ông Hoàng Văn M chỉ vay của anh Trần Văn T 20.000.000 đồng nhưng anh T bảo ghi gộp số tiền vay của hai lần vay vào giấy vay tiền lần thứ hai nên trong giấy vay tiền lần thứ hai mới ghi số tiền vay là 40.000.000 đồng. Mặc dù trong hai giấy vay nợ không có nội dung về lãi suất nhưng hai bên đã thỏa thuận miệng lãi suất vay nợ là 3.000 đồng/triệu/ngày, ông M đã thực hiện trả xong cho anh T số tiền lãi của một tháng đầu tiên của cả hai lần vay nợ. Bà Nông Thị Th đã thay ông M trả cho anh Trần Văn T đủ số tiền 40.000.000 đồng và đã được anh T trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh T yêu cầu ông M phải trả lại 20.000.000 đồng, ông M không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị Th và người làm chứng anh Hoàng Văn Lợi khẳng định có sự việc bà Nông Thị Th đã trả cho anh Trần Văn T 40.000.000 đồng và anh T đã trả lại cho bà Thu 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người làm chứng ông Hoàng Văn T1 khẳng định có sự việc

ông Hoàng Văn M nợ 20.000.000 đồng của anh Trần Văn T vào ngày 12/8/2017, các bên có viết giấy vay nợ 20.000.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T đối với ông Hoàng Văn M. Buộc ông Hoàng Văn M phải trả cho anh Trần Văn T số tiền 20.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Văn M phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định đình chỉ đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, lãi suất chậm trả, xử lý tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền thi hành án.

Trong thời hạn kháng cáo, bị đơn Hoàng Văn M kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh Lạng Sơn, không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Hoàng Văn M phải trả cho anh Trần Văn T số tiền 20.000.000 đồng, không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông M phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, nhưng tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Hoàng Văn M trả số tiền là 20.000.000 đồng. Bị đơn ông Hoàng Văn M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về tính hợp pháp của kháng cáo: Ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng xét xử vụ án sơ thẩm. Ông Hoàng Văn M có đơn kháng cáo ngày 24/5/2019, kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo:

Thứ nhất: Ông M không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc phải trả cho anh T số tiền 20.000.000 đồng.

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện việc vay nợ giữa ông M và anh T là có thật. Việc 02 lần vay nợ được thể hiện bằng giấy tờ viết tay, được chính ông M thừa nhận là có đọc nội dung và có ký xác nhận phần bên vay, có người làm chứng là ông Hoàng Văn T1 ký xác nhận tại lần vay thứ nhất (được thể hiện tại BL 02 và 03).

Ông M cho rằng ông M có hai lần vay tiền của anh T với tổng số tiền hai lần vay gốc chỉ có 40.000.000 đồng, trong đó mỗi một lần ông chỉ vay 20.000.000. Sau khi vay, bà Th đã trả 40.000.000 đồng tiền gốc là đã trả đủ cho anh T cả hai lần vay, ông M không còn nợ khoản vay nào của anh T.

Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông M không cung cấp, giao nộp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh việc ông đã trả nợ anh T đối với khoản vay 20.000.000 đồng của lần vay thứ nhất. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh T đòi ông M khoản vay 20.000.000 đồng là có căn cứ.

Thứ hai: Ông M không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về án phí thì ông M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

Như vậy, xét toàn bộ nội dung kháng cáo của ông M là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bác toàn bộ kháng cáo của ông Hoàng Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh Lạng Sơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trần Văn T vắng mặt, đã thực hiện ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Lê Thị H (theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019), chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, T1 hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người không kháng cáo.

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong vụ án này, quan hệ dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản. Đối tượng tranh chấp là số tiền trong hợp đồng cho vay tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3] Mặc dù lời khai của nguyên đơn, bị đơn có mâu thuẫn về nội dung có hay không có thỏa thuận về lãi suất của hai lần vay nợ nhưng do trong vụ án này, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất, chỉ yêu cầu giải

quyết đối với số nợ gốc nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết nội dung này là có căn cứ.

[4] Ông Hoàng Văn M thừa nhận hai bản chính giấy vay tiền gồm 01 bản chính giấy vay tiền ngày 12/8/2017 và 01 bản chính giấy vay tiền ngày 20/8/2017 do nguyên đơn giao nộp trong hồ sơ vụ án đúng là chữ ký, họ tên của ông bên người vay tiền và đúng chữ ký, họ tên của anh T bên người cho vay tiền, nội dung của hai giấy là đúng. Ông Hoàng Văn M cho rằng lần vay tiền thứ hai ông M chỉ vay của anh Trần Văn T 20.000.000 đồng nhưng anh T bảo ghi gộp số tiền vay của hai lần vay vào giấy vay tiền lần thứ hai nên trong giấy vay tiền lần thứ hai mới ghi số tiền vay là 40.000.000 đồng. Thực tế ông M chỉ vay của anh T tổng cộng 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Hoàng Văn M không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lý do của việc giấy vay tiền lần hai vay 20.000.000 đồng nhưng ghi giấy nợ 40.000.000 đồng nên không có cơ sở để xem xét, chấp nhận.

[5] Đối với số tiền 40.000.000 đồng do bà Nông Thị Th trả cho anh Trần Văn T các bên đương sự đều thừa nhận có sự việc này. Theo lời khai của anh Trần Văn T thì đây là số tiền trả cho lần vay nợ lần thứ hai giữa ông M và anh T. Như vậy, đối với số tiền vay 20.000.000 đồng của lần vay nợ thứ nhất, ông Hoàng Văn M chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Trần Văn T.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông Hoàng Văn M phải trả cho anh Trần Văn T số tiền 20.000.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng là có căn cứ. Do vậy, cần bác kháng cáo của ông Hoàng Văn M, giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

**1.** Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, buộc ông Hoàng Văn M phải trả cho anh Trần Văn T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trần Văn T có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Hoàng Văn M phải trả nợ cho anh Trần Văn T. Nếu chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## **2. Án phí:**

Ông Hoàng Văn M phải chịu 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận ông Hoàng Văn M đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000045 ngày 18/6/2019. Ông Hoàng Văn M còn phải nộp 1.000.000đ (một triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Trả lại cho anh Trần Văn T số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000942, ngày 12 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HL, tỉnh Lạng Sơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện HL;
- CCTHADS huyện HL;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, TDS, KTNV&THA, TCCB&TĐKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tuệ**